

BỘ Y TẾ

**HƯỚNG DẪN
QUY TRÌNH KỸ THUẬT
CHUYÊN NGÀNH HÓA SINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 320/QĐ-BYT
ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 2015**

Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành tài liệu
“Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh”

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét Biên bản họp của Hội đồng nghiệm thu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Hóa sinh của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh”, gồm 220 quy trình kỹ thuật.

Điều 2. Tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh” ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ vào tài liệu hướng dẫn này và điều kiện cụ thể của đơn vị, Giám đốc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xây dựng và ban hành tài liệu “Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh” phù hợp để thực hiện tại đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, Ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Thứ trưởng BHYT;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử BHYT;
- Website Cục KCB;
- Lưu VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Thị Xuyên

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ Y tế đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật bệnh viện tập I (năm 1999), tập II (năm 2000) và tập III (năm 2005), các quy trình kỹ thuật đó là quy chuẩn về quy trình thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây khoa học công nghệ trên thế giới phát triển rất mạnh, trong đó có các kỹ thuật công nghệ phục vụ cho ngành y tế trong việc khám bệnh, điều trị, theo dõi và chăm sóc người bệnh. Nhiều kỹ thuật, phương pháp trong khám bệnh, chữa bệnh đã được cải tiến, phát minh, nhiều quy trình kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh đã có những thay đổi về mặt nhận thức cũng như về mặt kỹ thuật.

Nhằm cập nhật, bổ sung và chuẩn hóa các tiến bộ mới về số lượng và chất lượng kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh, Bộ trưởng Bộ Y tế đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh do Lãnh đạo Bộ Y tế làm Trưởng ban. Trên cơ sở đó Bộ Y tế có các Quyết định thành lập các Hội đồng biên soạn Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật trong khám, chữa bệnh theo các chuyên khoa, chuyên ngành mà Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc các Bệnh viện chuyên khoa, đa khoa hoặc các chuyên gia hàng đầu của Việt Nam. Các Hội đồng phân công các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa theo chuyên khoa sâu biên soạn các nhóm Hướng dẫn quy trình kỹ thuật. Mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật đều được tham khảo các tài liệu trong nước, nước ngoài và chia sẻ kinh nghiệm của các đồng nghiệp thuộc chuyên khoa, chuyên ngành. Việc hoàn chỉnh mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cũng tuân theo quy trình chặt chẽ bởi các Hội đồng khoa học cấp bệnh viện và các Hội đồng nghiệm thu của chuyên khoa đó do Bộ Y tế thành lập. Mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đảm bảo được nguyên tắc ngắn gọn, đầy đủ, khoa học và theo một thể thức thống nhất.

Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh là tài liệu hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, là cơ sở pháp lý để thực hiện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong toàn quốc được phép thực hiện kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh đồng thời cũng là cơ sở để xây dựng giá dịch vụ kỹ thuật, phân loại phẫu thuật, thủ thuật và những nội dung liên quan khác. Do số lượng danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh rất lớn mà mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám, chữa bệnh từ khi biên soạn đến khi Quyết định ban hành chứa đựng nhiều yếu tố, điều kiện nghiêm ngặt nên trong một thời gian ngắn không thể xây dựng, biên soạn và ban hành đầy đủ các Hướng dẫn quy trình kỹ thuật. Bộ Y tế sẽ Quyết định ban hành những Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh cơ bản, phổ biến theo từng chuyên khoa, chuyên ngành và tiếp tục ban hành bổ sung những quy trình kỹ thuật đối với mỗi chuyên khoa, chuyên ngành nhằm đảm bảo sự đầy đủ theo Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh.

Để giúp hoàn thành các Hướng dẫn quy trình kỹ thuật này, Bộ Y tế trân trọng cảm ơn, biểu dương và ghi nhận sự nỗ lực tổ chức, thực hiện của Lãnh đạo, Chuyên viên Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, sự đóng góp của Lãnh đạo các Bệnh viện, các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa, chuyên ngành là tác giả hoặc là thành viên của các Hội đồng biên soạn, Hội đồng nghiệm thu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và các nhà chuyên môn đã tham gia góp ý cho tài liệu.

Trong quá trình biên tập, in ấn tài liệu khó có thể tránh được các sai sót, Bộ Y tế mong nhận được sự góp ý gửi về Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế 138A - Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội./.

THỨ TRƯỞNG BỘ Y TẾ
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PGS.TS. Nguyễn Thị Xuyên

BAN CHỈ ĐẠO

Trưởng Ban chỉ đạo:

PGS.TS. Nguyễn Thị Xuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế

Phó Trưởng Ban chỉ đạo:

PGS.TS. Lương Ngọc Khuê, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

TS. Nguyễn Huy Quang, Vụ trưởng Vụ Pháp chế

Các ủy viên:

PGS.TS. Phạm Vũ Khánh, Cục trưởng Cục Y dược cổ truyền

TS. Nguyễn Hoàng Long, Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính

TS. Trần Văn Tiến, Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm Y tế

PGS.TS. Lưu Thị Hồng, Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em

TS. Trần Quý Tường, Phó Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Nguyễn Trọng Khoa, Phó Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

PGS.TS. Nguyễn Tiến Quyết, Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

PGS.TS. Nguyễn Quốc Anh, Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai

PGS.TS. Nguyễn Trường Sơn, Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy

GS.TS. Bùi Đức Phú, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế

GS.TS. Nguyễn Thanh Liêm, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Nhi Trung ương

GS.TS. Lê Năm, Nguyên Giám đốc Viện Bỏng Lê Hữu Trác

PGS.TS. Đinh Ngọc Sỹ, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Phổi Trung ương

PGS.TS. Đỗ Như Hôn, Giám đốc Bệnh viện Mắt Trung ương

PGS.TS. Bùi Diệu, Giám đốc Bệnh viện K

PGS.TS. Nguyễn Viết Tiến, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Trung ương

PGS.TS. Trịnh Đình Hải, Giám đốc Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương, Hà Nội.

PGS.TS. Võ Thanh Quang, Giám đốc Bệnh viện Tai - Mũi - Họng Trung ương

PGS.TS. Trần Hậu Khang, Giám đốc Bệnh viện Da liễu Trung ương

GS.TS. Nguyễn Anh Trí, Giám đốc Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương

PGS.TS. Nghiêm Hữu Thành, Giám đốc Bệnh viện Châm cứu Trung ương

PGS.TS. Trần Quốc Bình, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương

TS. Nguyễn Văn Tiến, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Nội tiết Trung ương

Tổ thư ký:

ThS. Nguyễn Đức Tiến, Trưởng Phòng nghiệp vụ Y và Dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh.

BS. Nguyễn Ngọc Khang, Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Pháp chế Thanh tra, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Lê Tuấn Đồng, Trưởng phòng Phục hồi chức năng và Giám định, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Phạm Thị Kim Cúc, Chuyên viên Phòng nghiệp vụ Y và Dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Trần Thị Hồng Hải, Chuyên viên Vụ Bảo hiểm y tế

BAN BIÊN TẬP

Chủ biên:

PGS.TS. Phạm Thiện Ngọc, Trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện Bạch Mai

Ban thư ký:

ThS. Nguyễn Đức Tiến, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và Dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Phạm Thị Kim Cúc, Chuyên viên phòng Nghiệp vụ Y và Dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh.

ThS. Nguyễn Thị Hương Giang, Phó trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Bạch Mai

TS.BS. Đào Huyền Quyên, Khoa Hóa sinh, Bệnh viện Bạch Mai

BAN BIÊN SOẠN

Hội đồng biên soạn, Hội đồng nghiệm thu

PGS.TS. Hoàng Bích Ngọc, Chủ tịch Hội Hóa sinh Việt Nam

PGS.TS. Lương Ngọc Khuê, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

PGS.TS. Nguyễn Quốc Anh, Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai

PGS.TS. Phạm Thiện Ngọc, Trưởng khoa Hóa sinh Bệnh viện Bạch Mai

PGS.TS. Bạch Vọng Hải, Nguyên Trưởng khoa Hóa sinh Viện Quân y 103

PGS.TS. Hoàng Quang, Nguyên Trưởng khoa Hóa sinh Viện Quân y 103

ThS.BSCKII. Lê Thị Phương Anh, Trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế

TS.BS. Phạm Văn Trân, Trưởng khoa Hóa sinh Viện Quân y 103

TS.DS. Trần Hữu Tâm, Giám đốc Trung tâm kiểm chuẩn xét nghiệm TP Hồ Chí Minh

TS.BS. Nguyễn Thị Hoa, Trưởng bộ môn Hóa sinh, Trường Đại học Y Thái Nguyên

TS.BS. Hoàng Thị Thu Hà, Trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện Saint Paul

DSCKII. Nguyễn Thị Hương, Nguyên Trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện Bạch Mai

Tham gia biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Quốc Anh, Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai

PGS.TS. Phạm Thiện Ngọc, Trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện Bạch Mai

TS.BS. Bùi Tuấn Anh, Phó Trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện Bạch Mai

TS.BS. Trần Thị Chi Mai, Trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện Nhi Trung ương

TS.BS. Phạm Văn Trân, Trưởng khoa Hóa sinh, Viện Quân Y 103

TS.BS. Nguyễn Gia Bình, Trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

ThS.BSCKII. Lê Thị Phương Anh, Trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế

TS.DS. Trần Hữu Tâm, Giám đốc Trung tâm kiểm chuẩn xét nghiệm TP Hồ Chí Minh

TS.BS. Nguyễn Chính Nghĩa, Phó trưởng khoa Hóa sinh, Bệnh viện Bạch Mai

ThS.BS. Nguyễn Kiều Hoa, Khoa Hóa sinh, Bệnh viện Bạch Mai

ThS. Dương Thị Tuyết, Khoa Hóa sinh, Bệnh viện Bạch Mai

TS.BS. Đào Huyền Quyên, Khoa Hóa sinh, Bệnh viện Bạch Mai

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	5
Chương 1. MÁU	19
Đo hoạt độ ACP (Phosphatase Acid)	21
Định lượng ACTH máu	23
Định lượng acid uric	26
Định lượng ADH (Anti Diuretic Hormone)	28
Định lượng adiponectin	31
Định lượng aldosteron	35
Định lượng albumin	40
Định lượng alpha1 antitrypsin	42
Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase-ALP)	45
Đo hoạt độ amylase	47
Định lượng amoniac (NH ₃)	49
Định lượng AMH (anti - Mullerian Hormone)	52
Định lượng anti CCP	57
Định lượng anti-Tg (Antibody - Thyroglobulin)	59
Định lượng anti - TPO (Anti - Thyroid Peroxidase antibodies)	61
Định lượng Apo A1 (Apolipoprotein A1)	63
Định lượng Apo B (Apolipoprotein B)	65
Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	67
Đo hoạt độ ALT (GPT)	69
Đo hoạt độ AST (GOT)	72
Định lượng α 1 acid glycoprotein	75
Định lượng β 2 microglobulin	77
Định lượng beta crosslap	80
Định lượng β hCG (Beta human Chorionic gonadotropins)	83
Định lượng bilirubin trực tiếp	85
Định lượng bilirubin gián tiếp	87
Định lượng bilirubin toàn phần	89

Định lượng BNP (B - Type Natriuretic Peptide)	91
Định lượng calci toàn phần	94
Định lượng calci ion hoá (Phương pháp tính toán)	96
Định lượng calci ion hóa (Phương pháp điện cực chọn lọc)	98
Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	100
Định lượng CA 19 - 9 (carbohydrate antigen 19-9)	102
Định lượng CA 15 - 3 (cancer antigen 15 - 3)	105
Định lượng CA 72 - 4 (cancer antigen 72 - 4)	108
Định lượng calcitonin	110
Định lượng carbamazepin	113
Định lượng ceruloplasmin	115
Định lượng CEA (carcino embryonic antigen)	117
Đo hoạt độ cholinesterase (EC 3.1.1.8)	119
Định lượng cholesterol toàn phần	122
Định lượng creatine kinase (CK)	124
Đo hoạt độ isoenzym CK-MB	127
Định lượng CK-MB mass	129
Định lượng C-Peptid	132
Định lượng cortisol	135
Định lượng cystatine C	138
Định lượng bổ thể C3	141
Định lượng bổ thể C4	143
Định lượng hs - CRP (C-reactive protein high sensitive)	145
Định lượng creatinin	147
Định lượng cyfra 21- 1	149
Định lượng cyclosporin	151
Định lượng D-Dimer	154
Định lượng vitamin D (D3)	157
Định lượng digoxin	160
Định lượng digitoxin	162
Định lượng các chất điện giải (Na^+ , K^+ , Cl^-)	164

Định lượng FABP (Fatty acid binding protein)	167
Định lượng ethanol (cồn)	171
Định lượng estradiol	173
Định lượng uE3 (Unconjugated Estriol)	176
Định lượng ferritin	180
Định lượng fructosamin	182
Định lượng FSH (Follicular stimulating hormone)	184
Định lượng free β hCG (Free Beta Human chorionic gonadotropin)	187
Định lượng folat II	190
Định lượng FT ₃ (Free Triiodothyronine)	193
Định lượng FT ₄ (Free thyroxine)	195
Định lượng galectin 3	197
Định lượng gastrin	200
Đo hoạt độ G6PD (Glucose - 6 phosphat dehydrogenase)	204
Định lượng GH (Growth Hormone)	206
Đo hoạt độ GLDH (Glutamat dehydrogenase)	210
Định lượng glucose	212
Định lượng globulin	214
Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transpeptidase)	216
Định lượng GLP-1 toàn phần	219
Định lượng gentamicin	223
Định lượng haptoglobin	225
Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative)	227
Đo hoạt độ HBDH (Hydroxy butyrat dehydrogenase)	230
Định lượng HbA1c	232
Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	235
Định lượng HE4	237
Định lượng homocystein	240
Định lượng IL-1 α (Interleukin 1 α)	243
Định lượng IL -1 β (Interleukin 1 β)	246
Định lượng IL-6 (Interleukin 6)	249

Định lượng IL-8 (Interleukin 8)	252
Định lượng IL-10 (Interleukin 10)	254
Định lượng IgE (bằng phương pháp Elisa)	256
Định lượng IgE (Immunoglobuline E)	259
Định lượng IgA (Immunoglobuline A)	261
Định lượng IgG (Immunoglobuline G)	263
Định lượng IgM (Immunoglobuline M)	265
Định lượng IGFBP-3 (Insulin like growth factor binding protein 3)	267
Định lượng insulin	272
Điện di lactat dehydrogenase - LDH	275
Định lượng IMA (Ischemia Modified Albumin)	279
Định lượng kappa	283
Định lượng chuỗi kappa tự do (Free kappa)	285
Định lượng khí máu	288
Định lượng lactat	291
Định lượng lambda	294
Định lượng chuỗi lambda tự do (Free Lambda)	296
Định lượng leptin	299
Điện di LDL/HDL cholesterol	303
Đo hoạt độ lipase	306
Định lượng LH (Luteinizing hormone)	308
Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	311
Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein cholesterol)	313
Điện di lipoprotein	315
Định lượng LP-PLA2 (Lipoprotein Associated Phospholipase A2)	317
Định lượng malondialdehyd (MDA)	321
Định lượng MPO	324
Định lượng myoglobin	327
Định lượng magie	329
Định lượng N-MID Osteocalcin	332
Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)	335

Định lượng NT-proBNP	337
Đo hoạt độ P-amylase	340
Định lượng PAPP-A	342
Định lượng pepsinogen I	346
Định lượng pepsinogen II	349
Định lượng phenobarbital	353
Định lượng phenytoin	355
Định lượng phospho	357
Định lượng pre-albumin	360
Định tính pro-calcitonin	363
Định lượng prolactin	365
Điện di protein	367
Định lượng protein toàn phần	370
Định lượng progesteron	373
Định lượng procainamid	375
Định lượng protein S100	377
Định lượng Pro-GRP (Pro-Gastrin-releasing peptide)	379
Định lượng PSA tự do (Free prostate-specific antigen)	382
Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-specific antigen)	384
Định lượng PTH (Parathyroid hormon)	386
Định lượng active renin	388
Định lượng RF (Reumatoid factor)	392
Định lượng sắt	394
Định lượng SCCA (squamous cell carcinoma antigen)	396
Định lượng SHBG (Human sex hormon binding globulin)	399
Định lượng sperm antibody (Kháng thể kháng tinh trùng)	402
Định lượng T ₃ (Tri iodothyronine)	405
Định lượng T ₄ (Thyroxine)	407
Định lượng sTfR (solube transferin receptor)	409
Định lượng tacrolimus	411
Định lượng testosterone	414

Định lượng TGF β 1(Transforming Growth Factor Beta 1)	416
Định lượng TGF β 2(Transforming Growth Factor Beta 2)	420
Định lượng TG (Thyroglobulin)	424
Định lượng theophyllin	427
Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)	429
Định lượng transferin	432
Định lượng triglycerid	434
Định lượng troponin T	437
Định lượng hsTroponin T	439
Định lượng troponin I	442
Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	444
Định lượng tobramycin	446
Định lượng total P1NP	448
Định lượng T-uptake	451
Định lượng ure	454
Định lượng valproic acid	456
Định lượng vancomycin	458
Định lượng vitamin B12	460
Định lượng PlGF (Placenta Growth Factor)	463
Định lượng sFlt-1 (yếu tố kháng tân tạo mạch máu)	466
Chương 2. NƯỚC TIỂU	469
Định lượng các chất điện giải	471
Định tính amphetamin	474
Định lượng amphetamin	476
Đo hoạt độ amylase	478
Định lượng acid uric	480
Định lượng barbiturates	483
Định lượng benzodiazepin	485
Định tính β hCG	487
Định lượng calci	489
Định lượng catecholamin	492

Định lượng cocain	495
Định lượng cortisol	497
Định lượng creatinin	499
Định lượng đường chấp	202
Định tính đường chấp	504
Định lượng glucose	507
Định tính marijuana	509
Định lượng MAU	511
Định lượng mathadon	513
Định lượng NGAL	515
Định lượng opiat	518
Định tính morphin	520
Định lượng phospho	522
Định tính phospho hữu cơ	525
Định tính porphyrin	528
Điện di protein	530
Định lượng protein	533
Định tính protein Bence - Jones	536
Định tính rotundin (rotunda)	538
Định lượng THC (Canabionids)	542
Định lượng ure	544
Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động)	547
Chương 3. DỊCH NÃO TUỖ	551
Định lượng clo	553
Định lượng glucose	555
Phản ứng Pandey	558
Định lượng protein	560
Chương 4. THỦY DỊCH MẮT	563
Định lượng albumin	565
Định lượng globulin	567

Chương 5. DỊCH CHỌC DÒ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)	569
Đo hoạt độ amylase	571
Định lượng nồng độ bilirubin (toàn phần và trực tiếp)	573
Định lượng cholesterol toàn phần	575
Định lượng creatinin	578
Định lượng glucose	581
Đo hoạt độ LDH	583
Định lượng protein toàn phần (phương pháp Gornal)	585
Phản ứng Rivalta	588
Định lượng triglycerid	590
Đo tỷ trọng dịch chọc dò (bằng máy tự động)	593
Định lượng ure	595